TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại và ông Lương Anh Tuấn

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Đức Định - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:* Ông Ngô Chí Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX - ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Lê Đình H, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Anh H vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thi H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Đình H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 16-9-2005. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên tự hòa giải nhiều lần để tìm biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 13-11-2006 và Lê Đình N, sinh ngày 24-4-2012. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị có đủ điều kiện nuôi con: Chị hiện nay có nhà cấp 4 (do mẹ đẻ cho), chị làm công nhân của công ty TNHH sản xuất giày Chung Jye Tuyên Quang - Việt Nam, có thu nhập lương cơ bản là 4.577.000 đồng ngoài ra còn có tiền tăng ca, thu nhập khoảng 1.500.000 đồng/tháng. Đối với cháu N đang ở cùng với anh H và bà nội, cháu được theo học tại xã N. Hiện nay, anh H đang công tác tại Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện Yên Bình, có việc làm và thu nhập nên cũng đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Đình H nhưng anh H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã xác minh qua Công an xã cung cấp: Anh Lê Đình H có đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái, anh H sống chung cùng với bố mẹ đẻ, hiện vẫn có mặt tại địa phương, cháu Lê Đình N là con chung của anh H và chị H đang sống cùng với anh H; ngoài ra Tòa án đã xác minh tại nơi làm việc của anh Lê Đình H - Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện Yên Bình: Hiện nay anh H là khuyến nông viên phụ trách xã N, có mức lương bậc 4, tổng thu nhập từ lương và phụ cấp được 4.718.000 đồng.

Ý kiến của con chung: Cháu Lê Huyền T có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị H; cháu Lê Đình Ncó nguyện vọng ở với bố là Lê Đình H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực

hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đình H. Về nuôi con chung: Giao con chung là: Lê Huyền T, sinh ngày 13-11-2006 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là Lê Đình N, sinh ngày 24-4-2012 cho anh Lê Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Lê Đình H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 16-9-2005, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai bên đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù, anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình H đã thực sự trầm

trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Đình H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình H có hai con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 13-11-2006 và Lê Đình N, sinh ngày 24-4-2012. Chị Hcó nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Mặc dù, anh H không có mặt thể hiện ý chí về nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con của cả hai bên là ngang nhau, đều có chỗ ở, có thu nhập và thực tế cháu N đang ở với bố, cháu T ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, đảm bảo quyền lợi của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về giải quyết con chung.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Đình H.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 13-11-2006 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là Lê Đình N, sinh ngày 24-4-2012 cho anh Lê Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và

giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0000503 ngày 06-12-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị H đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga